TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ S** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 15 – 01 – 2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ S, TỈNH SÓC TRĂNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Lệ Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quốc Tuấn

Ông Nguyễn Phước

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Công Lịnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:* Bà Đồ Ngọc Tuyền – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 171/2024/TLST–HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2024, về "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 634/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Thu C, sinh năm 1989; Địa chỉ: Hẻm 495/67A, đường L, Khóm A, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt – do có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Huỳnh Thiện T, sinh năm 1992; Địa chỉ: Hẻm 495/67A, đường L, Khóm A, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 19 tháng 8 năm 2024 và Đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 10 tháng 01 năm 2025, nguyên đơn bà Trần Thị Thu C trình bày:

Bà Trần Thị Thu C và ông Huỳnh Thiện T chung sống với nhau từ năm 2012 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường D, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 09/7/2015. Thời gian đầu cuộc sống hôn nhân của ông bà hạnh phúc. Đến thời gian sau, ông bà phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên bất hòa, dù đã nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng vẫn không khắc phục được. Trong thời gian chung sống, ông bà sinh được 02 (hai) người con chung tên Huỳnh

Minh Th, sinh ngày 18/02/2012 và Huỳnh Minh Th, sinh ngày 22/11/2017. Ông bà không có tài sản chung và nợ chung.

Tại đơn khởi kiện và đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà Trần Thị Thu C yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà yêu cầu ly hôn với ông Huỳnh Thiện T.

- Về con chung: Bà đồng ý cho ông Huỳnh Thiện T trực tiếp nuôi dưỡng các cháu Huỳnh Minh Th và Huỳnh Minh Th đến tuổi trưởng thành và bà không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Huỳnh Thiện T vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không ghi nhận được ý kiến.

* Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa trình bày ý kiến:

- Về tố tụng: Việc xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thu C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 19 tháng 8 năm 2024, nguyên đơn bà Trần Thị Thu C yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và giải quyết về nuôi con khi ly hôn với ông Huỳnh Thiện T. Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án và xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giải quyết "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong vụ án, bị đơn ông Huỳnh Thiện T cư trú tại thành phố S, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân thành phố S thụ lý giải quyết theo thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn bà Trần Thị Thu C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa do có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Huỳnh Thiện T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 3 Điều 235 và

Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà Trần Thị Thu C, ông Huỳnh Thiện T và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết.

[3] Về nội dung khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thu C:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thu C và ông Huỳnh Thiện T tự nguyện kết hôn vào năm 2012 và được Ủy ban nhân dân Phường D, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 09/7/2015 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Thu C và ông Huỳnh Thiện T là hợp pháp, được pháp luật công nhận. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, bà Trần Thị Thu C có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.

Xét lý do yêu cầu ly hôn, bà Trần Thị Thu C cho rằng: Sau khi kết hôn, ông bà chung sống hạnh phúc nhưng đến thời gian gần đây ông bà phát sinh mâu thuẫn, thường hay bất hòa do bất đồng về quan điểm sống. Ông bà không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng đã thông báo hợp lệ cho ông Huỳnh Thiện T biết về yêu cầu khởi kiện cũng như các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn bà Trần Thị Thu C cung cấp. Ông Huỳnh Thiện T không trình bày ý kiến phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản mà nguyên đơn đưa ra. Do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 92 và khoản 1 Điều 95 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định về việc xác định chứng cứ và những tình tiết sự kiện không phải chứng minh, Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng ông bà là có thật. Mặt khác, Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải để động viên vợ chồng ông bà đoàn tụ nhưng ông Huỳnh Thiện T không đến tham gia và bà Trần Thị Thu C vẫn kiên quyết ly hôn. Từ đó cho thấy, hôn nhân của ông bà lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Thu C là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Trần Thị Thu C được ly hôn với ông Huỳnh Thiện T.

[3.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà Trần Thị Thu C và ông Huỳnh Thiện T sinh được 02 (hai) người con chung tên Huỳnh Minh Th (nam, sinh ngày 18/02/2012) và Huỳnh Minh Th (nam, sinh ngày 22/11/2017). Bà Trần Thị Thu C yêu cầu sau khi ly hôn, ông Huỳnh Thiện T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Huỳnh Minh Th và Huỳnh Minh Th cho đến khi cháu Huỳnh Minh Th và Huỳnh Minh Th thành niên. Ông Huỳnh Thiện T không có ý kiến đối với yêu cầu của bà Trần Thị Thu C và yêu cầu của bà Trần Thị Thu C cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Huỳnh Minh Th, Huỳnh Minh Th (*văn bản ý kiến ngày 22/11/2024 - bút lục số 22-23*). Mặt khác, hiện nay cháu Huỳnh Minh Th và Huỳnh Minh Th đang sống chung với ông Huỳnh Thiện T, việc để cho ông Huỳnh Thiện T chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Huỳnh Minh Th, Huỳnh Minh Th sẽ đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các cháu. Do đó Hội đồng xét xử quyết định cho ông Huỳnh Thiện T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo

dục cháu Huỳnh Minh Th, Huỳnh Minh Th cho đến khi cháu Huỳnh Minh Th, Huỳnh Minh Th thành niên (đủ 18 tuổi).

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Thị Thu C yêu cầu không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung vì bà không có khả năng, thu nhập hiện tại không ổn định. Ông Huỳnh Thiện T cũng không phản đối ý kiến của bà Trần Thị Thu C nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Ngoài ra căn cứ vào khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, bà Trần Thị Thu C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3.4] Về tài sản chung: Bà Trần Thị Thu C xác định trong thời gian chung sống, ông bà không tạo lập ra tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[3.5] Về nợ chung: Bà Trần Thị Thu C xác định ông bà không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Từ những phân tích nêu trên, xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố S, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bà Trần Thị Thu C phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm xin ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Ông Huỳnh Thiện T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 3 Điều 235, Điều 238, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Thu C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thu C và ông Huỳnh Thiện T được ly hôn.

2. Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Huỳnh Thiện T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Huỳnh Minh Th, (nam, sinh ngày 18/02/2012) và Huỳnh Minh Th,

(nam, sinh ngày 22/11/2017) cho đến khi cháu Huỳnh Minh Th và Huỳnh Minh Th thành niên (đủ 18 tuổi).

Bà Trần Thị Thu C không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung. Bà Trần Thị Thu C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cháu Huỳnh Minh Th và Huỳnh Minh Th mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Bà Trần Thị Thu C xác định trong thời gian chung sống, ông bà không tạo lập ra tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Trần Thị Thu C xác định ông bà không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Thu C phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002131 ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Bà Trần Thị Thu C đã nộp xong án phí. Ông Huỳnh Thiện T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo bản án: Bà Trần Thị Thu C và ông Huỳnh Thiện T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Sóc Trăng;*
- *VKSND thành phố S;*
- *CC THADS thành phố S;*
- *Các đương sự;*
- *UBND Phường D, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vương Thị Lệ Hằng